

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/DS-ST

Ngày: 26/8/2025

*“V/v Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ
do người chết để lại đối với hợp đồng
góp hui”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Điền.
- Ông Nguyễn Thành Công.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 510/2024/TLST - DS, ngày 29 tháng 10 năm 2024; về vụ *“Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại đối với hợp đồng góp hui”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-DS, ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị V, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long).

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1956
- Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1987
- Ông Nguyễn Kỳ V1, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long).

4. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp T, xã A, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai nguyên đơn bà Lâm Thị V trình bày: Bà và bà Lê Thị T1 có hợp đồng dân sự về giao dịch hội với nhau, bà làm đầu thảo hội, bà T1 là hội viên, khi giao dịch hội bà T1 lấy tên chồng là Nguyễn Văn H (tên thường gọi là chị 7 Ǻi) để tiện giao dịch trong dây hội, tham gia giao dịch 08 dây hội, hình thức khai hội là ai bỏ thăm cao thì hốt, mỗi lần khai hội đầu thảo có hưởng huê hồng, có lập danh sách hội giao cho các hội viên và đầu thảo cùng giữ. Cụ thể 08 dây hội như sau:

- Dây hội thứ 01: Hội thắg 1.000.000đồng xác lập ngày 25/8/2020 âm lịch (dây số 01), có 17 phần, 01 thắg khai hội 01 lần, đầu thảo hưởng huê hồng 300.000đồng/lần khai hội, giao kết trong vòng 05 ngày sau ngày khai hội thì các hội viên phải đóng tiền đầy đủ cho đầu thảo để giao cho người hốt hội. Dây hội này bà T1 tham gia 01 phần và đã hốt hội vào lần khai thứ 10 ngày 25/5/2021 âm lịch, bà bỏ thăm 135.000đồng, hốt được 14.755.000đồng và đã nhận đủ tiền hội đã hốt. Sau khi hốt hội xong bà T1 đóng được đến lần thứ 15, từ lần khai thứ 16 (ngày 25/11/2021 âm lịch) thì bà T1 ngưng đóng hội chết, bà đã đóng choàng cho bà T1 02 lần hội chết với số tiền là 2.000.000đồng, dây hội này mắn vào ngày 25/12/2021 âm lịch.

- Dây hội thứ 02: Hội thắg 1.000.000đồng xác lập ngày 25/8/2020 âm lịch (dây số 02), có 17 phần, 01 thắg khai hội 01 lần, đầu thảo hưởng huê hồng 300.000đồng/lần khai hội, giao kết trong vòng 05 ngày sau ngày khai hội thì các hội viên phải đóng tiền đầy đủ cho đầu thảo để giao cho người hốt hội. Dây hội này bà T1 tham gia 01 phần và đã hốt hội vào lần khai thứ 06 ngày 25/01/2021 âm lịch, bà bỏ thăm 145.000đồng, hốt được 14.105.000đồng và đã nhận đủ tiền hội đã hốt. Sau khi hốt hội xong bà T1 đóng được đến lần khai thứ 15, từ lần khai thứ 16 (ngày 25/11/2021 âm lịch) thì bà T1 ngưng đóng hội chết, bà đã đóng choàng cho bà T1 02lần hội chết với số tiền là 2.000.000đồng, dây hội này mắn vào ngày 25/12/2021 âm lịch.

- Dây hội thứ 03: Hội thắg 1.000.000đồng xác lập ngày 15/11/2020 âm lịch (dây số 01), có 17 phần, 01 thắg khai hội 01 lần, đầu thảo hưởng huê hồng 300.000đồng/lần khai hội, giao kết trong vòng 05 ngày sau ngày khai hội thì các hội viên phải đóng tiền đầy đủ cho đầu thảo để giao cho người hốt hội. Dây hội này bà T1 tham gia 01 phần và đã hốt hội vào lần khai thứ 9 ngày 15/7/2021 âm lịch, bà bỏ thăm 140.000đồng, hốt được 14.580.000đồng và đã nhận đủ tiền hội đã hốt. Sau khi hốt hội xong bà T1 đóng được đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 (ngày 15/11/2021 âm lịch) thì bà T1 ngưng đóng hội chết, bà đã đóng

choàng cho bà T1 04 lần hội chết với số tiền là 4.000.000đồng, dây hội này mãn vào ngày 15/3/2022 âm lịch.

- Dây hội thứ 04: Hội tháng 1.000.000đồng xác lập ngày 15/11/2020 âm lịch (dây số 02), có 17 phần, 01 tháng khai hội 01 lần, đầu thảo hưởng huê hồng 300.000đồng/lần khai hội, giao kết trong vòng 05 ngày sau ngày khai hội thì các hội viên phải đóng tiền đầy đủ cho đầu thảo để giao cho người hốt hội. Dây hội này bà T1 tham gia 01 phần và đã hốt hội vào ngày 15/6/2021 âm lịch, bà bỏ thăm 130.000đồng, hốt được 14.530.000đồng và đã nhận đủ tiền hội đã hốt. Sau khi hốt hội xong bà T1 đóng được đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 (ngày 15/11/2021 âm lịch) thì bà T1 ngưng đóng hội chết, bà đã đóng choàng cho bà T1 04 lần hội chết với số tiền là 4.000.000 đồng, dây hội này mãn vào ngày 15/3/2022 âm lịch.

- Dây hội thứ 05: Hội tháng 1.000.000đồng xác lập ngày 15/11/2020 âm lịch (dây số 03), có 17 phần, 01 tháng khai hội 01 lần, đầu thảo hưởng huê hồng 300.000đồng/lần khai hội, giao kết trong vòng 05 ngày sau ngày khai hội thì các hội viên phải đóng tiền đầy đủ cho đầu thảo để giao cho người hốt hội. Dây hội này bà T1 tham gia 01 phần và đã hốt hội vào ngày 15/7/2021 âm lịch, bà bỏ thăm 140.000đồng, hốt được 14.580.000đồng và đã nhận đủ tiền hội đã hốt. Sau khi hốt hội xong bà T1 đóng được đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 (ngày 15/11/2021 âm lịch) thì bà T1 ngưng đóng hội chết, bà đã đóng choàng cho bà T1 04 lần hội chết với số tiền là 4.000.000 đồng, dây hội này mãn vào ngày 15/3/2022 âm lịch.

- Dây hội thứ 06: Hội tháng 1.000.000đồng xác lập ngày 20/5/2021 âm lịch (dây số 01), có 17 phần, 01 tháng khai hội 01 lần, đầu thảo hưởng huê hồng 300.000đồng/lần khai hội, giao kết trong vòng 05 ngày sau ngày khai hội thì các hội viên phải đóng tiền đầy đủ cho đầu thảo để giao cho người hốt hội. Dây hội này bà T1 tham gia 02 phần và đã hốt phần hội thứ nhất vào ngày 20/5/2021 âm lịch, bà bỏ thăm 260.000đồng, hốt được 11.540.000đồng; đối với phần hội thứ hai vào lần khai thứ 05 ngày 20/9/2021 âm lịch, bà bỏ thăm 130.000đồng, hốt được 14.140.000đồng; cả 02 phần hội bà T1 đã nhận đủ tiền hội đã hốt. Sau khi hốt hội xong bà T1 đóng được đến lần khai thứ 06, từ lần khai thứ 07 (ngày 20/11/2021 âm lịch) thì bà T1 ngưng đóng hội chết, bà đã đóng choàng cho bà T1 11 lần hội chết x 02 phần hội với số tiền là 22.000.000đồng, dây hội này mãn vào ngày 20/9/2022 âm lịch.

- Dây hội thứ 07: Hội tháng 1.000.000đồng xác lập ngày 20/5/2021 âm lịch (dây số 02), có 17 phần, 01 tháng khai hội 01 lần, đầu thảo hưởng huê hồng 300.000đồng/lần khai hội, giao kết trong vòng 05 ngày sau ngày khai hội thì các

hội viên phải đóng tiền đầy đủ cho đầu thảo để giao cho người hốt hội. Dây hội này bà T1 tham gia 02 phần và đã hốt phần hội thứ nhất vào ngày 20/5/2021 âm lịch, bà bỏ thăm 260.000đồng, hốt được 11.540.000đồng; đối với phần hội thứ hai vào lần khui thứ 05 ngày 20/9/2021 âm lịch, bà bỏ thăm 130.000đồng, hốt được 14.140.000đồng; cả 02 phần hội bà T1 đã nhận đủ tiền hội đã hốt. Sau khi hốt hội xong bà T1 đóng được đến lần khui thứ 06, từ lần khui thứ 07 (ngày 20/11/2021 âm lịch) thì bà T1 ngưng đóng hội chết, bà đã đóng choàng cho bà T1 11 lần hội chết x 02 phần hội với số tiền là 22.000.000 đồng, dây hội này mãi vào ngày 20/9/2022 âm lịch.

- Dây hội thứ 08: Hội tháng 1.000.000đồng xác lập ngày 20/5/2021 âm lịch (dây số 02), có 17 phần, 01 tháng khui hội 01 lần, đầu thảo hưởng huê hồng 300.000đồng/lần khui hội, giao kết trong vòng 05 ngày sau ngày khui hội thì các hội viên phải đóng tiền đầy đủ cho đầu thảo để giao cho người hốt hội. Dây hội này bà T1 tham gia 01 phần và đã hốt hội vào lần khui thứ 05 ngày 20/9/2021 âm lịch, bà bỏ thăm 135.000đồng, hốt được 14.080.000đồng; phần hội bà T1 đã nhận đủ tiền hội đã hốt. Sau khi hốt hội xong bà T1 đóng được đến lần khui thứ 06, từ lần khui thứ 07 (ngày 20/11/2021 âm lịch) thì bà T1 ngưng đóng hội chết, bà đã đóng choàng cho bà T1 11 lần hội chết x 01 phần hội với số tiền là 11.000.000đồng, dây hội này mãi vào ngày 20/9/2022 âm lịch.

Tổng cộng 08 dây hội nêu trên bà T1 còn thiếu bà tổng số tiền hội là 71.000.000đồng. Ngày 25/10/2021, bà Lê Thị T1 chết, nên bà nhiều lần gặp ông H và các con của bà T1 yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả cho bà số tiền hội chết mà bà T1 còn nợ 08 dây hội với tổng số tiền là 71.000.000đồng thay cho bà T1, nhưng ông H và các người con không đồng ý.

Theo Phiếu cung cấp thông tin số 189/PCCTT- CNHCL, ngày 22/3/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh huyện C, thì bà T1 có tài sản chung với hộ ông Nguyễn Văn H là thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 6, diện tích 868,8m², loại đất cây lâu năm, tọa lạc ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông H đại diện hộ đứng tên.

Nay bà yêu cầu những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị T1 gồm ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Quang T, ông Nguyễn Kỳ V1 và ông Nguyễn Văn Q phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản do bà T1 để lại trong phạm vi là một phần quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 6, diện tích 868,8m², loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh để trả số tiền hội của 08 (tám) dây hội mà bà đã đóng choàng thay cho bà T1 là 71.000.000đồng (*Bảy mươi một triệu đồng*).

Theo lời khai của ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Quang T, ông Nguyễn Kỳ V1 và ông Nguyễn Văn Q được thể hiện trong hồ sơ vụ án: Các ông hoàn toàn không biết việc bà T1 tham gia giao dịch hui với bà V, nay bà T1 đã chết các ông không đồng ý trả theo yêu cầu của bà V.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long kết luận về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại điều 48 Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Về vấn đề thu thập chứng cứ, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu cũng như việc gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vụ án thụ lý ngày 29/10/2024 đến ngày 16/7/2025 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã vi phạm Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự, nhưng vi phạm này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, rút kinh nghiệm đối với những vụ án tương tự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ Luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ Luật tố tụng dân sự cụ thể không có mặt đầy đủ trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án triệu tập.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ các Điều 471 và Điều 615 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Điều 16 và Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ – CP, ngày 19/02/2019 về hui, họ, biên, phường.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị V. Buộc ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Quang T, ông Nguyễn Kỳ V1 và ông Nguyễn Văn Q là hàng thừa kế của bà T1 thực hiện nghĩa vụ về tài sản do bà T1 để lại trong phạm vi là một phần quyền sử dụng đất thuộc thửa đất

số 1015, tờ bản đồ số 6, diện tích 868,8m², loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long) để trả số tiền hui của 08 (tám) dây hui mà bà V đã đóng choàng thay cho bà T1 là 71.000.000 đồng (*Bảy mươi một triệu đồng*). Ngoài ra, V2 còn đề nghị giải quyết nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Bà Lâm Thị V khởi kiện ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Quang T, ông Nguyễn Kỳ V1 và ông Nguyễn Văn Q có địa chỉ tại xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long) để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ hui thay bà Lê Thị T1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Điều 615 của Bộ Luật dân sự năm 2015 xác định vụ án “*Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại đối với hợp đồng góp hui*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Quang T, ông Nguyễn Kỳ V1 và ông Nguyễn Văn Q được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị V yêu cầu những người thừa kế của bà Lê Thị T1 gồm ông Nguyễn Văn H (chồng bà T1), ông Nguyễn Quang T, ông Nguyễn Kỳ V1 và ông Nguyễn Văn Q (các con của bà T1) thực hiện nghĩa vụ trả số tiền hui của 08 (tám) dây hui mà bà V đã đóng choàng thay cho bà Lê Thị T1 là 71.000.000đồng (*Bảy mươi một triệu đồng*).

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Lâm Thị V là đầu thảo hui, bà Lê Thị T1 khi còn sống có tham gia giao dịch với bà V 08 dây hui tháng gồm: Dây hui thứ 01 và thứ 02: Hui tháng 1.000.000đồng xác lập ngày 25/8/2020 âm lịch (dây số 01 và dây số 02), bà T1 tham gia mỗi dây 01 phần hui; Dây hui thứ 03, thứ 04 và thứ 05: Hui tháng 1.000.000đồng xác lập ngày 15/11/2020 âm lịch (dây số 01, dây số 02 và dây số 03), bà T1 tham gia mỗi dây 01 phần hui; Dây hui thứ 06, thứ 07 và thứ 08: Hui tháng 1.000.000đồng xác lập ngày 20/5/2021 âm lịch (dây số 01, dây số 02 và dây số 03); đối với dây số 01 và dây số 02 bà T1 tham

gia mỗi dây 02 phần hụi; đối với dây số 03 bà T1 tham 01 phần hụi. Tổng cộng bà T1 đã tham gia 10 phần hụi trong 08 dây hụi nêu trên và đều đã kêu lĩnh (hốt) hụi, sau khi lĩnh (hốt) được hụi bà T1 có góp hụi chết cho bà V. Tuy nhiên, quá trình giao dịch hụi đến ngày 25/10/2021 âm lịch bà T1 chết, những người thừa kế của bà T1 gồm ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Quang T, ông Nguyễn Kỳ V1 và ông Nguyễn Văn Q không tiếp tục góp hụi chết cho bà V nên bà V phải góp choàng 08 dây hụi nêu trên cho bà T1 đến khi mãn hụi với tổng số tiền là 71.000.000đồng. Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Quang T, ông Nguyễn Kỳ V1 và ông Nguyễn Văn Q cho rằng không biết việc giao dịch hụi giữa bà T1 và bà V; nhưng qua xác minh đối với bà Nguyễn Thị C, bà Hồ Thị X, bà Nguyễn Thị M, bà Dương Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim C là các hụi viên tham gia trong cùng các dây hụi nêu trên với bà T1 đều xác nhận bà Lê Thị T1 có tham gia giao dịch 08 dây hụi nêu trên và bà T1 đã lĩnh (hốt) cả 08 dây hụi, hiện nay các dây hụi này đều đã mãn và bà V đã giao đủ tiền hụi cho các ông, bà.

[4] *Về di sản của bà T1*: Căn cứ phiếu cung cấp thông tin số 189/PCCTT-CNHCL, ngày 22/3/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh huyện C thể hiện trước khi bà T1 chết, bà T1 có tài sản chung trong hộ gia đình với ông Nguyễn Văn H là thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 6, diện tích 868,8m², loại đất cây lâu năm, tọa lạc ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long) do ông Nguyễn Văn H đại diện hộ đứng tên và thửa đất chưa đăng ký giao dịch bảo đảm. Di sản của bà T1 hiện chưa chia và do ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Quang T, ông Nguyễn Kỳ V1 quản lý, sử dụng. Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Quang T, ông Nguyễn Kỳ V1 và ông Nguyễn Văn Q là người thừa kế quyền và nghĩa vụ đối với tài sản của bà T1 để lại nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà V là xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của bà V. Do đó, bà V yêu cầu những người thừa kế của bà Lê Thị T1 gồm ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Quang T, ông Nguyễn Kỳ V1 và ông Nguyễn Văn Q thực hiện nghĩa vụ về tài sản do bà T1 để lại trong phạm vi một phần quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 6, diện tích 868,8m², loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long) để trả số tiền hụi của 08 (tám) dây hụi mà bà V đã đóng choàng thay cho bà Lê Thị T1 là 71.000.000đồng (*Bảy mươi một triệu đồng*) là có căn cứ chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu của bà V được chấp nhận nên ông H, ông T, ông Kỳ V1 và ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH1430/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do ông H là người cao tuổi

thuộc diện được miễn án phí nên ông H được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 228, 147 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 471, 614, 615, 617, 623, 651, 658 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 16 và Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ – CP, ngày 19/02/2019 về hội, họ, biểu, phường.

Căn cứ Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị V.

Buộc những người thừa kế của bà Lê Thị T1 gồm ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Quang T, ông Nguyễn Kỳ V1 và ông Nguyễn Văn Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay bà Lê Thị T1 cho bà Lâm Thị V số tiền nợ hội là 71.000.000 đồng (*Bảy mươi một triệu đồng*) trong phạm vi di sản của bà Lê Thị T1 tại thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 6, diện tích 868,8m², loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long) do hộ ông Nguyễn Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Quang T, ông Nguyễn Kỳ V1 và ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ liên đới nộp 2.662.500 đồng (*Hai triệu*

sáu trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lâm Thị V không phải chịu án phí. Đối với số tiền 1.175.000đồng (Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà V đã nộp tại biên lai số 0004789, ngày 28 tháng 10 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu thì bà V được nhận lại.

3. *Quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 11 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh